

Deloitte.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT

DẦU KHÍ MIỀN BẮC

MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Ông Trương Công Minh	Ủy viên
Ông Trần Quốc Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Trương Công Minh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Số: 578 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 02 năm 2014 từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

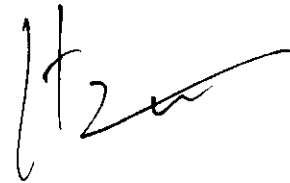
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 02 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

0288
CÔNG
CÓ PH
HÂN B
CHẤT
MIỄN
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		186.616.655.677	144.766.123.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	122.430.581.814	80.718.777.808
1. Tiền	111		82.430.581.814	38.718.777.808
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	42.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.348.729.510	27.384.376.260
1. Phải thu khách hàng	131		5.373.135.817	-
2. Trả trước cho người bán	132		687.019.000	27.347.558.765
3. Các khoản phải thu khác	135		288.574.693	36.817.495
III. Hàng tồn kho	140	6	55.253.639.502	31.563.848.786
1. Hàng tồn kho	141		55.253.639.502	32.808.327.752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.244.478.966)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.583.704.851	5.099.120.587
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.411.546	177.455.667
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.267.293.305	1.445.642.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.476.022.518
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		158.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		23.514.617.176	27.107.711.101
I. Tài sản cố định	220		22.945.569.903	25.956.554.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	22.917.467.188	25.912.228.151
- Nguyên giá	222		32.093.647.253	33.417.274.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.176.180.065)	(7.505.046.219)
2. Tài sản cố định vô hình	227		28.102.715	44.326.048
- Nguyên giá	228		48.670.000	48.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.567.285)	(4.343.952)
II. Tài sản dài hạn khác	260		569.047.273	1.151.156.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		569.047.273	1.151.156.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		210.131.272.853	171.873.834.542

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		63.285.238.254	24.368.889.207
I. Nợ ngắn hạn	310		63.285.238.254	24.368.889.207
1. Phải trả người bán	312	8	25.531.925.355	4.355.108.726
2. Người mua trả tiền trước	313	9	23.500.549.089	6.597.612.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	1.242.481.440	208.665.960
4. Phải trả người lao động	315		2.650.608.459	2.885.155.759
5. Chi phí phải trả	316		519.186.618	290.808.614
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.531.342.836	5.009.651.196
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.309.144.457	5.021.886.614
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		146.846.034.599	147.504.945.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	146.846.034.599	147.504.945.335
1. Vốn điều lệ	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.297.277.832	4.325.783.862
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.393.707.775	2.208.929.423
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.155.048.992	20.970.232.050
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		210.131.272.853	171.873.834.542

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

31/12/2013	31/12/2012
55.316.784.677	48.550.827.000

Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Trương Công Minh
 Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	1.356.381.136.570	1.686.472.322.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	4.366.848.944	10.361.884.429
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	1.352.014.287.626	1.676.110.437.888
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	1.272.259.542.713	1.569.438.978.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		79.754.744.913	106.671.459.813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	3.609.830.580	3.507.725.048
7. Chi phí bán hàng	24		35.122.425.953	38.472.209.791
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.975.397.415	20.619.387.962
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		29.266.752.125	51.087.587.108
10. Thu nhập khác	31	17	2.855.235.863	293.079.037
11. Chi phí khác	32		3.043.750	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.852.192.113	293.079.037
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.118.944.238	51.380.666.145
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	8.138.317.102	9.328.637.668
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		23.980.627.136	42.052.028.477
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.998	3.504

Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 02 năm 2014

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Trương Công Minh
Giám đốc

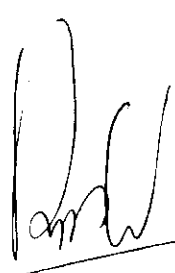
Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.118.944.238	51.380.666.145
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.726.930.712	2.796.675.591
- Các khoản dự phòng	03	(1.244.478.966)	1.244.478.966
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.616.240.580)	(3.507.725.048)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.985.155.404	51.914.095.654
- Thay đổi các khoản phải thu	09	20.588.179.498	(18.036.290.417)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(22.445.311.750)	(4.498.838.217)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	38.503.449.885	5.231.190.147
- Thay đổi chi phí trả trước và các tài sản khác	12	601.153.750	1.127.809.550
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.536.653.265)	(13.512.769.077)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.990.208.500	2.177.947.922
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.942.488.529)	(5.845.209.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.743.693.493	18.557.936.208
II. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(261.614.229)	(3.959.350.448)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.410.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.623.314.742	3.701.117.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.368.110.513	(258.232.756)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.400.000.000)	(15.383.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.400.000.000)	(15.383.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	41.711.804.006	2.916.203.452
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	80.718.777.808	77.802.574.356
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	122.430.581.814	80.718.777.808


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu


 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng


 Trương Công Minh
 Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (“Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 56 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ hàng hóa phân bón (trừ loại Nhà nước cấm), hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Quảng cáo; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	81.772.637	8.956.696
Tiền gửi ngân hàng	82.348.809.177	38.709.821.112
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	42.000.000.000
	<u>122.430.581.814</u>	<u>80.718.777.808</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng đi đường	3.666.666.667	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.252.727	899.884.501
Hàng hóa	51.367.720.108	31.908.443.251
Cộng	55.253.639.502	32.808.327.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.244.478.966)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	55.253.639.502	31.563.848.786

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	27.427.358.004	2.734.889.981	3.255.026.385	33.417.274.370
Mua trong năm	-	71.299.638	135.134.591	206.434.229
Đầu tư XD/CB hoàn thành	55.180.000	-	-	55.180.000
Thanh lý	-	-	(68.027.778)	(68.027.778)
Giảm khác (*)	-	(91.546.002)	(1.425.667.566)	(1.517.213.568)
Tại ngày 31/12/2013	27.482.538.004	2.714.643.617	1.896.465.632	32.093.647.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	4.474.993.636	927.040.719	2.103.011.864	7.505.046.219
Khấu hao trong năm	1.914.387.626	455.952.436	340.367.317	2.710.707.379
Thanh lý	-	-	(68.027.778)	(68.027.778)
Giảm khác (*)	-	(14.605.732)	(956.940.023)	(971.545.755)
Tại ngày 31/12/2013	6.389.381.262	1.368.387.423	1.418.411.380	9.176.180.065
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	21.093.156.742	1.346.256.194	478.054.252	22.917.467.188
Tại ngày 31/12/2012	22.952.364.368	1.807.849.262	1.152.014.521	25.912.228.151

(*) Giảm khác phản ánh nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45, được phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.115.602.860 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.303.999.780 đồng).

HK

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.731.634.705	-
Khác	2.800.290.650	4.355.108.726
	25.531.925.355	4.355.108.726

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hạnh Khoa	1.670.000.000	18.738.000
Công ty TNHH Việt Mỹ	3.320.000.000	50.790.900
Công ty TNHH Bằng Tuyên	1.670.000.000	-
Công ty TNHH Đáp Thành	1.670.000.000	18.856.563
Công ty TNHH Toàn Xuân	1.670.000.000	4.550.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	1.670.419.129	380.625.629
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	1.670.000.000	-
Công ty TNHH Khải Linh	1.670.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	1.670.000.000	36.292.000
Công ty TNHH Quân Lan	1.700.000.000	68.100.000
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quý	1.680.000.000	-
Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - Chi nhánh Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh	1.680.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	1.690.000.000	-
Khác	70.129.960	1.474.209.246
	23.500.549.089	6.597.612.338

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.125.641.320	-
Thuế thu nhập cá nhân	116.840.120	208.665.960
	1.242.481.440	208.665.960

H

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	120.000.000.000	1.841.499.675	920.749.837	4.449.230.664	127.211.480.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	42.052.028.477	42.052.028.477
Điều chỉnh lợi nhuận tạm phân phối năm 2011	-	(1.749.424.691)	(828.674.853)	2.578.099.544	-
Trích quỹ	-	4.233.708.878	2.116.854.439	(12.701.126.635)	(6.350.563.318)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.408.000.000)	(15.408.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	120.000.000.000	4.325.783.862	2.208.929.423	20.970.232.050	147.504.945.335
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.980.627.136	23.980.627.136
Điều chỉnh lợi nhuận tạm phân phối năm 2012 (i)	-	(28.506.030)	(14.253.015)	(599.684.757)	(642.443.802)
Trích quỹ (iii)	-	-	1.199.031.367	(4.796.125.437)	(3.597.094.070)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	120.000.000.000	4.297.277.832	3.393.707.775	19.155.048.992	146.846.034.599

- (i) Căn cứ vào Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2013, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng phúc lợi tạm trích năm 2012 với số tiền lần lượt là 28.506.030 đồng, 14.253.015 đồng và 642.443.802 đồng.
- (ii) Theo Nghị quyết nêu trên, cổ tức năm 2012 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 20.400.000.000 đồng. Năm 2012, Công ty đã chia cho các cổ đông 8.400.000.000 đồng, phần còn lại đã được chi trả bằng tiền trong năm 2013. Ngoài ra, Công ty cũng tạm chia cổ tức năm 2013 với số tiền 8.400.000.000 đồng tương đương 7% vốn điều lệ.
- (iii) Trong năm, theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 được phê duyệt bởi Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần, Công ty tạm trích Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.199.031.367 đồng và 3.579.094.070 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2013.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75	90.000.000.000	75
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10	12.000.000.000	10
	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 13 và số 14.

13. DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.225.711.469.988	1.590.439.492.905
Doanh thu hàng hóa khác	112.894.471.588	82.174.774.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.775.194.994	13.858.054.483
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.356.381.136.570	1.686.472.322.317
Chiết khấu thương mại	(4.366.848.944)	(10.361.884.429)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.352.014.287.626	1.676.110.437.888

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.143.609.584.524	1.475.061.915.345
Giá vốn hàng hóa khác	111.810.105.684	81.004.658.287
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.839.852.505	13.372.404.443
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.272.259.542.713	1.569.438.978.075

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân công	14.716.765.969	15.165.150.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.726.930.712	2.796.675.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.878.018.671	49.476.480.236
Chi phí khác	4.568.951.188	5.284.477.673
Chi phí sản xuất kinh doanh	70.890.666.540	72.722.783.866

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và không kỳ hạn phát sinh trong năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

HK

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chiết khấu bán hàng năm 2012 hoàn nhập (*)	2.774.402.093	-
Thu nhập khác	80.833.770	293.079.037
	2.855.235.863	293.079.037

(*) Phản ánh khoản chiết khấu bán hàng năm 2012 được hoàn nhập trong năm 2013 do các đại lý không hoàn thiện đủ hồ sơ theo chính sách của Công ty để được nhận chiết khấu.

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	32.118.944.238	51.380.666.145
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	434.324.167	296.918.774
Thu nhập chịu thuế	32.553.268.405	51.677.584.919
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.138.317.102	12.919.396.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	3.590.758.562
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.138.317.102	9.328.637.668

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.767.549.882	2.767.549.882

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	2.731.641.964	2.767.549.882
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	2.731.641.964

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North ký kết ngày 10 tháng 6 năm 2011 về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.

HK

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.430.581.814	80.718.777.808
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.661.710.510	36.817.495
Tổng cộng	128.092.292.324	80.755.595.303
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	31.031.981.770	9.244.199.004
Chi phí phải trả	519.186.618	290.808.614
Tổng cộng	31.551.168.388	9.535.007.618

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.430.581.814	-	122.430.581.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.661.710.510	-	5.661.710.510
Tổng cộng	128.092.292.324	-	128.092.292.324

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	31.031.981.770	-	31.031.981.770
Chi phí phải trả	519.186.618	-	519.186.618
Tổng cộng	31.551.168.388	-	31.551.168.388
Chênh lệch thanh khoản thuần	96.541.123.936	-	96.541.123.936

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.718.777.808	-	80.718.777.808
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.817.495	-	36.817.495
Tổng cộng	80.755.595.303	-	80.755.595.303

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	9.244.199.004	-	9.244.199.004
Chi phí phải trả	290.808.614	-	290.808.614
Tổng cộng	9.535.007.618	-	9.535.007.618
Chênh lệch thanh khoản thuần	71.220.587.685	-	71.220.587.685

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



Handwritten signature or initials.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

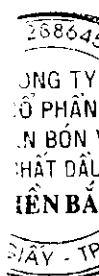
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.144.800.108.749	1.494.418.355.243
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.015.529.389	10.745.894.167
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	513.806.661	618.333.442
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	9.745.703.167	-
Công ty TNHH Hồng Thành	-	7.085.001.738
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	22.069.728.095	9.605.877.730
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	4.288.218.182
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	9.781.693.333	112.222.470
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	205.909.093	295.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	841.511.950	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18.962.819.735	13.728.110.373
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	171.354.710
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	14.497.214.286	20.775.165.525
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	18.302.261.901	26.074.179.048
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	25.122.380.952	-
Công ty TNHH Toàn Xuân	65.933.333.334	40.763.390.293
Công ty TNHH Hồng Thành	56.495.290.651	49.623.529.525
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	53.582.935.717	120.155.538.913
Công ty TNHH Bằng Tuyên	48.359.302.382	61.609.990.478
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	63.901.539.040	92.436.511.904
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	52.897.319.516	-
Công ty TNHH Phú Mỹ Hưng	5.304.761.905	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	46.707.780.940	-
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty		
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.050.470.611	3.198.278.687



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

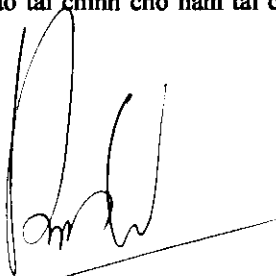
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.373.135.817	-
Các khoản ứng trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	103.490.400	26.871.223.814
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	328.042.674	27.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.731.634.705	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	53.372.000	257.412.320
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	2.335.300	103.606.685
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	718.875.514
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.034.550.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Toàn Xuân	1.670.000.000	4.550.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	-	38.400.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	1.670.419.129	380.625.629
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	217.076.200
Công ty TNHH Bằng Tuyên	1.670.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	1.670.000.000	36.292.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	1.670.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	-	334.210.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.


Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởngTrương Công Minh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2014